

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 01/7/2024.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24/5/2024, về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HN, ngày 18/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Phương T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hồ Thị Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2020 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh Đ có quen nhau 03 tháng rồi đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới gồm có sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18kra, cặp nhẫn cưới vàng 18kra, số vàng này sau ngày cưới vợ chồng đã bán hết không còn.

Sau ngày cưới chị về sống bên chồng, ở riêng tại căn nhà tình thương của bà nội chồng, anh Đ không có nghề nghiệp, còn chị đi làm Công ty may gần nhà thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, cuộc sống khó khăn, đến tháng 11 năm 2021 chị đi thành phố Hồ Chí Minh bán hàng cho siêu thị, anh Đ đồng ý cho đi, do dịch bệnh C, nên 01 năm chị về nhà được khoảng 03 lần, đến tháng 08 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do chị có 01 đời chồng và có 02 người con, khi ly hôn chị nuôi 01 người con, nhưng sau đó chồng chị không nuôi con mà giao cho chị nuôi 02 người con, dẫn đến kinh tế khó khăn, từ đó giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn cãi vã với nhau về lối sống, sự việc kéo dài hơn 04 tháng do anh Đ không sửa đổi, vợ chồng sống không hạnh phúc, chị và anh Đ sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023 đến nay, nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

- *Về con chung*: Chị T và anh Đ không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Lê Minh Đ là bị đơn trong vụ án, anh Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ, về con chung không có, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lê Minh Đ là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Đ vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác. Căn cứ

khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh Đ xác lập quan hệ hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/6/2020 tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị T khai: Sau ngày cưới chị về sống bên chồng, ở riêng tại căn nhà tình thương của bà nội chồng, anh Đ không có nghề nghiệp, còn chị đi làm Công ty may gần nhà thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, cuộc sống khó khăn, đến tháng 11 năm 2021 chị đi thành phố Hồ Chí Minh bán hàng cho siêu thị, anh Đ đồng ý cho đi, do dịch bệnh C, nên 01 năm chị về nhà được khoảng 03 lần, đến tháng 08 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do chị có 01 đời chồng và có 02 người con, khi ly hôn chị nuôi 01 người con, nhưng sau đó chồng chị không nuôi con mà giao cho chị nuôi 02 người con, dẫn đến kinh tế khó khăn, từ đó giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn cãi vã với nhau về lối sống, sự việc kéo dài hơn 04 tháng do anh Đ không sửa đổi, vợ chồng sống không hạnh phúc, chị và anh Đ sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023 đến nay, nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

- *Đối với anh Lê Minh Đ*: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/6/2024 và ngày 17/6/2024 anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được, mặt khác tại bản tự khai đề ngày 24/6/2024 anh Đ không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh Đ không trình bày nêu rõ lý do và anh cũng không đưa ra được hướng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc, còn chị T thì cương quyết ly hôn không chung sống với anh Đ. Ngày 01/7/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Đ tiếp tục vắng mặt nên phiên hòa giải đoàn tụ tại phiên tòa không tiến hành được, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ xảy ra từ tháng 12 năm 2023 kéo dài đến nay anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã sống ly thân nhau hơn 06 tháng, tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin được ly hôn với anh Đ, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Chị T và anh Đ chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Phương T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Phương T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Hồ Thị Phương T được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Hồ Thị Phương T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003705, ngày 17/5/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Hồ Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Hồ Thị Phương T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Lê Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

